

Số: 55 /KH-PGDĐT

Hoài Đức, ngày 15 tháng 5 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn huyện Hoài Đức

Căn cứ các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020; Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019;

Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Công văn số 455/UBND-KGVX ngày 22/02/2023 về việc công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 và lớp 10 THPT năm học 2023-2024; Công văn số 838/UBND-KGVX ngày 27/3/2023 về việc phối hợp rà soát thông tin cư trú trong công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 909/SGDĐT-QLT ngày 31/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024;

Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn huyện như sau:

#### A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở các trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: rõ tuyến tuyển sinh, rõ chỉ tiêu tuyển sinh, rõ thời gian tuyển sinh, rõ phương thức tuyển sinh và rõ trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

3. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh trái tuyển, giảm số học sinh trên một lớp; tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày. Tổ chức phân tuyến hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh. Phân đầu huy động ít nhất 50% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 100% trẻ em độ tuổi mẫu giáo đi học. Ít nhất 75% trẻ khuyết tật ở thể nhẹ trong độ tuổi mầm non được học hòa nhập; 100% trẻ 6 tuổi đủ sức khỏe được vào lớp 1; 100% học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học được vào học lớp 6;

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; Thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

## **B. NỘI DUNG**

### **I. Chỉ tiêu và phân tuyến tuyển sinh đối với các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở**

**1. Chỉ tiêu:** tuyển sinh theo chỉ tiêu đã được phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện phê duyệt (*có phụ lục kèm theo*).

**2. Tuyển tuyển sinh:** theo tuyến tuyển sinh được phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

### **II. Thời gian tuyển sinh**

**1. Cấp Mã tuyển sinh:** các trường mầm non, tiểu học, THCS phải hoàn thành việc cấp Mã tuyển sinh cho cha mẹ học sinh trước ngày 25/5/2023. (Mã tuyển sinh là Mã học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành (hoặc Số định danh cá nhân của học sinh) kèm mật khẩu trên cơ sở dữ liệu ngành)

### **2. Thời gian tuyển sinh:**

#### **2.1. Đối với các trường non, tiểu học, THCS tuyển sinh theo tuyến**

##### **a) Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:**

- Tuyển sinh vào lớp 1: từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 03/7/2023;
- Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 06/7/2023;
- Tuyển sinh vào lớp 6: từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 09/7/2023.

Cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2023;

##### **b) Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp:**

- Từ ngày 13/7/2023 đến hết ngày 18/7/2023: tuyển học sinh còn trong chỉ tiêu được giao
- Từ ngày 21/7/2023 đến ngày 22/7/2023: tuyển sinh bổ sung (chỉ áp dụng đối với các trường tiểu học, THCS chưa tuyển đủ chỉ tiêu được giao và phải được phòng Giáo dục và Đào tạo cho phép);
- Các trường mầm non được tuyển sinh đến khi đủ chỉ tiêu được giao;

c) Các trường cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống số điểm điện tử chậm nhất ngày 23/7/2023.

**2.2. Các trường ngoài công lập:** tuyển sinh ngay sau khi kết thúc năm học, cụ thể là bắt đầu từ ngày 26/5/2023 đến ngày 12/7/2023; các trường thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết hợp với kiểm tra, đánh giá năng lực: lựa chọn thời gian kiểm tra, đánh giá năng lực hợp lý đảm bảo hoàn thành chậm nhất vào ngày 30/6/2023;

### **2.3. Lưu ý:**

Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (theo mẫu M02 đính kèm Công văn này) các học sinh dự tuyển năm học 2023-2024 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh); sau khi có kết quả xác minh của Công an xã, đối với những trường hợp **không hợp lệ**, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định. Các trường hợp đặc biệt phải báo cáo bằng văn bản về phòng Giáo dục và Đào tạo để kịp thời giải quyết. Quy định này áp dụng suốt năm học, các cấp học, các độ tuổi.

### **3. Phương thức, đối tượng, hồ sơ tuyển sinh:**

#### **3.1. Tuyển sinh vào các trường mầm non**

**3.1.1. Đối tượng tuyển sinh:** trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo ở từng độ tuổi theo chỉ tiêu giao.

**3.1.2. Phương thức:** Các trường tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

- Phối hợp với UBND xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tổ dân phố, thôn, xóm về công tác tuyển sinh; nêu rõ tuyển tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyển tuyển sinh quy định, tránh gây áp lực trong công tác tuyển sinh.

- Số trẻ trong một nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ trường mầm non. Trường hợp số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại Điều 15 Điều lệ trường mầm non, thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/lớp theo quy định tại Điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo theo quy định. Đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn.

- Các trường mầm non tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

#### **3.1.3. Hồ sơ tuyển sinh:**

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

### **3.2. Tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6**

#### **3.2.1. Đối tượng:**

##### **a) Tuyển sinh Lớp 1:**

- Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (*sinh năm 2017*).

- Trường hợp đặc biệt: trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.

- Không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

##### **b) Tuyển sinh vào lớp 6:** là học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học.

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (*sinh năm 2012*);

- Những trường hợp đặc biệt:

Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học; học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

#### **3.2.2. Phương thức tuyển sinh lớp 1, lớp 6:**

Thực hiện theo phương thức xét tuyển; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

#### **3.2.3. Hồ sơ tuyển sinh**

##### **a) Lớp 1:**

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 1 (theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

##### **b) Lớp 6:**

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 6 (theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

- Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có); Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

### **3.3. Tuyển sinh vào các trường ngoài công lập và trường THCS Nguyễn Văn Huyện**

#### **3.3.1. Tuyển sinh vào các trường ngoài công lập**

- Không phân tuyến tuyển sinh đối với các trường ngoài công lập. Tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn của mỗi trường, nhà trường xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý theo đúng quy định, báo cáo phòng Giáo dục và Đào tạo để trình UBND huyện phê duyệt;

- Căn cứ vào cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhà trường đề xuất phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện phê duyệt giao chỉ tiêu tuyển sinh cho trường;

- Các trường phải niêm yết công khai thủ tục nhập học, quyền và nghĩa vụ của học sinh, cha mẹ học sinh trước khi làm thủ tục nhập học cho học sinh. Các trường tuyệt đối không được tuyển sinh trước thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### **3.3.2. Tuyển sinh vào trường THCS Nguyễn Văn Huyện (có văn bản hướng dẫn riêng)**

## **C. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM**

### **I. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

1. Tham mưu UBND huyện chỉ đạo, phê duyệt và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024, chỉ đạo công tác kiểm tra tuyển sinh.

2. Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các xã, thị trấn với các trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; rà soát danh sách xã, tổ (thôn), các khu dân cư, đô thị mới để đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyến tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; phân tuyến tuyển sinh hợp lý để huy động được số trẻ đến trường với tỷ lệ cao nhất, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là cơ sở để phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

3. Triển khai kế hoạch tuyển sinh, tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh cho Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn.

4. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường trên địa bàn huyện.

5. Chỉ đạo các nhà trường thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS; trên cổng thông tin điện tử của ngành và phối hợp với UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

6. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1; kiểm soát chặt chẽ chỉ tiêu tuyển sinh, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyển của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học sinh trên một lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia.

7. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban, ngành và tham mưu với UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (đối với những trường chưa đủ phòng học theo quy định), tăng cường cơ sở vật chất cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều về chất lượng giáo dục giữa các trường; đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở vật chất (tránh tình trạng có trường tuyển sinh vượt quá nhiều so với chỉ tiêu, trong khi đó có trường không tuyển đủ chỉ tiêu gây lãng phí về cơ sở vật chất, đội ngũ, tạo bức xúc cho người dân và dư luận xã hội).

8. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến.

9. Tham mưu với UBND huyện chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; chủ động rà soát và hướng dẫn công dân thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Cư trú nếu xác định công dân cư trú thực tế nhưng chưa làm thủ tục cư trú hoặc có thông tin thay đổi thông tin cá nhân nhưng chưa cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

10. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về công tác tuyển sinh.

## **II. Các trường mầm non, tiểu học, THCS**

1. Tham mưu đề xuất trình Phòng Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Xây dựng Kế hoạch chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

2. Chủ động phối hợp với UBND và công an xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công và xác minh, làm rõ thông tin cư trú đối với những trường hợp phát sinh trong quá trình tuyển sinh; chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2023- 2024 của trường, báo cáo phòng Giáo dục và Đào tạo. Tham gia đầy đủ Hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở, phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức hướng dẫn.

3. Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (công khai về cam kết

chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính).

4. Tuyên truyền và hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về công tác tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 để cung cấp thông tin về cư trú cho học sinh (sử dụng VNeID của bố hoặc mẹ hoặc thành viên hộ gia đình có học sinh đăng ký tuyển sinh).

5. Tổ chức cấp Mã tuyển sinh cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin Mã tuyển sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về Mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

6. Chuẩn bị cơ sở vật chất; thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

7. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, Số định danh cá nhân... trong Giấy khai sinh, Học bạ (đối với lớp 6). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao Giấy khai sinh: “Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh” sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng (Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh) ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng (Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh) nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

b) Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định. Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

8. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

9. Bảo mật thông tin cá nhân của các học sinh dự tuyển năm học 2023-2024 và thông tin các học sinh khác của nhà trường theo đúng quy định.

10. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với phòng Giáo dục và Đào tạo.

11. Thông báo số điện thoại thường trực (trên website trường, hệ thống truyền thông, bảng tin ...) để giải quyết các vấn đề về tuyển sinh

### III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các trường báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh theo lịch sau:

- Ngày 08/5/2023: nộp phòng Giáo dục và Đào tạo Kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024.
- Ngày 19/7/2023: nộp Báo cáo về công tác tuyển sinh, đề xuất tuyển sinh bổ sung (nếu còn chỉ tiêu).
- Ngày 24/7/2023: nộp Báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024, Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường mầm non, tiểu học, THCS nghiên cứu kỹ văn bản và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng kế hoạch; trường hợp các đơn vị thực hiện không đúng các quy định về công tác tuyển sinh, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý, kể cả xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục và Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP.

Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, các đơn vị cần báo cáo kịp thời về bộ phận chuyên môn cấp học để có sự chỉ đạo, giải quyết.

#### Nơi nhận:

- Sở GDĐT;(báo cáo)
- Huyện ủy,HĐND,UBND huyện; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND huyện; (báo cáo)
- Đ/c PCT Nguyễn Trung Thuận; (báo cáo)
- UBND xã, thị trấn và các cơ quan liên quan;
- Các bộ phận phòng GDĐT;
- Website ngành GDĐT;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT.



### PHÊ DUYỆT CỦA UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Trung Thuận*



Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường năm học 2022-203					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Đơn vị	nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	
1	2	3	4	5	6	7	4+5+6	9	10	11	12	9+10+11	14	15	16	17	4+15+16	19
<b>Tổng chung</b>			<b>6828</b>	<b>1393</b>	<b>476</b>	<b>19</b>	<b>8716</b>	<b>6198</b>	<b>5757</b>	<b>5465</b>	<b>5554</b>	<b>22974</b>	<b>4494</b>	<b>1827</b>	<b>823</b>	<b>20</b>	<b>7164</b>	
1	An Khánh A	396	97	51	0	544	118	159	185	232	694	103	64	51	0	218	Thôn Vân Lũng Thôn Yên Lũng Tổ dân phố số 1- CC Spendola - An Khánh. Tổ dân phố số 2 - CC Thăng Long Victory- An Khánh Tổ dân phố số 4 - CC Gemek I- An Khánh.	
2	An Khánh B	365	70	0	0	435	136	200	214	176	726	136	53	0	0	189	Thôn Ngải Cầu, thôn Trường An, thôn An Bình, Tổ dân phố số 5 ( Khu chung cư HHI-Gemek2 ). Khu đô thị Vinhomes Thăng Long, Khu đô thị sinh thái Bảo Sơn, Khu đô thị Hoa Phượng. Khu đô thị Gleximco	
3	An Khánh C	335	115	11	0	461	124	225	236	283	868	120	105	0	0	225	Thôn An Thọ, Phú Vinh, Tổ dân phố 3 ( Chung cư The Golden) xã An Khánh Hoài Đức - Hà Nội)	

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường năm học 2022-203					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Đơn vị	nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	
Trường công lập	4	An Thượng A	239	49	6	0	294	107	149	156	165	577	84	40	6	0	130	Thôn Đào Nguyên, Ngự Cầu, xóm Giếng thôn An Hạ
	5	An Thượng B	215	40	32	4	291	90	100	98	134	422	90	34	32	4	160	Thôn An Hạ (Xóm Ngò + Xóm Hạ), Thôn Thanh Quang, Thôn Lại Dụ, xã An Thượng.
	6	Cát Quế A	223	56	28	5	312	163	146	133	161	603	165	56	28	5	254	Thôn 1,2,3,4,5,6
	7	Cát Quế B	254	73	35	6	368	77	92	97	86	352	80	28	23	6	137	Thôn 7,8,9, Cát Ngòi
	8	Đắc Sở	134	11	1	0	146	106	93	60	75	334	72	11	1	0	84	Xã Đắc Sở
	9	Di Trạch	251	87	45	0	383	80	160	187	209	636	70	80	40	0	190	Xã Di Trạch
	10	Đông La A	186	34	19	2	241	135	101	135	128	499	85	30	19	2	136	Xóm 1, xóm 2 thôn Đông Nhân, thôn Đông Lao
	11	Đông La B	148	28	8	0	184	118	121	132	140	511	85	28	8	0	121	Xóm 3, xóm 4 thôn Đông Nhân, thôn La Tinh
	12	Đức Giang A	183	41	13	0	237	89	95	80	94	358	89	41	13	0	143	Thôn Lưu Xá, Lũng Kênh
	13	Đức Giang B	161	31	16	0	208	85	62	78	89	314	76	31	16	0	123	Thôn Cao Trung, Cao Hạ
	14	Đức Thượng	510	116	60	0	686	94	195	221	220	730	120	100	30	0	250	Xã Đức Thượng
	15	Dương Liễu	344	16	0	0	360	243	219	181	226	869	160	10	0	0	170	Xã Dương Liễu
	16	Kim Chung A	237	50	10	0	297	82	88	96	93	359	82	20	10	0	112	Thôn Yên Vĩnh, Yên Bê, Đại Tự
	17	Kim Chung B	260	61	22	0	343	84	128	145	163	520	100	45	22	0	167	Lai Xá , Tô dân phố số 1
	18	La Phù	319	45	21	0	385	161	204	178	176	719	175	45	21	0	241	Xã La Phù

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường năm học 2022-203					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Đơn vị	nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	
	19	Lại Yên	196	36	10	0	242	101	123	140	145	509	136	25	5	0	166	Thôn 1.2.3.4 Lại Yên - Hoài Đức - Hà Nội
	20	Minh Khai	152	21	0	0	173	180	157	177	173	687	80	21	0	0	101	xã Minh Khai
	21	Sơn Đồng	215	13	2	0	230	188	149	107	139	583	125	13	2	0	140	Xã Sơn Đồng
	22	Song Phương A	134	12	17	0	163	69	66	65	94	294	70	19	21	0	110	Thôn 1,2 xã Song Phương
	23	Song Phương B	284	46	12	0	342	125	127	117	127	496	86	36	12	0	134	Thôn 3,4,5,6 Phương Viên, Song Phương
	24	Hoa Sen	115	66	26	0	207	100	172	180	206	658	87	50	13	0	150	Thị trấn Tràm Trôi
	25	Tiền Yên A	48	1	1	0	50	83	54	59	53	249	41	1	1	1	44	Thôn Yên Thái
	26	Tiền Yên B	74	5	0	0	79	67	63	57	67	254	44	5	0	0	49	Thôn Tiền Lê, xã Tiền Yên.
	27	Vân Canh	236	106	13	0	355	115	227	261	274	877	75	70	13	0	158	Xã Vân Canh
	28	Vân Cồn A	75	5	0	0	80	64	58	79	75	276	60	5	0	0	65	Thôn Quyết Tiến + thôn Cát Thuế, xã Vân Cồn
	29	Vân Cồn B	198	19	7	2	226	113	115	101	116	445	120	19	7	2	148	Thôn Vân Cồn, Phương Quan, Cù Sơn xã Vân Cồn
	30	Vân Cồn C	142	14	5	0	161	81	67	65	63	276	53	14	5	0	72	Thôn Mộc Hoàn Giáo, Mộc Hoàn Đình, Linh Thượng
	31	Yên Sở	199	29	5	0	233	167	240	220	232	859	114	29	5	0	148	Xã Yên Sở
	32	,10-10						67	117	132	131	447	60	48	3	0	111	Huyện Hoài Đức
<b>Tổng trường công lập</b>			<b>6828</b>	<b>1393</b>	<b>476</b>	<b>19</b>	<b>8716</b>	<b>3612</b>	<b>4272</b>	<b>4372</b>	<b>4745</b>	<b>17001</b>	<b>3043</b>	<b>1176</b>	<b>407</b>	<b>20</b>	<b>4646</b>	
	1	Hương Sen						88	86	66	79	319	37	16	16	0	69	Toàn thành phố Hà Nội
	2	Sao Mai						59	40	22	42	163	11	10	10	0	31	Toàn thành phố Hà Nội
	3	New Sun						50	75	57	78	260	60	35	30	0	125	Toàn thành phố Hà Nội

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)				Số HS hiện có trong trường năm học 2022-203					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Đơn vị	nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	
Trường ngoài công lập	4	Hoa Mai					62	34	37	31	164	40	15	10	0	65	Toàn thành phố Hà Nội
	5	Cánh Sóng					18	23	28	29	98	23	9	7	0	39	Toàn thành phố Hà Nội
	6	Lomonoxop					73	50	75	70	268	40	20	40	0	100	Toàn thành phố Hà Nội
	7	Sơn Ca					15	21	21	24	81	20	10	7	0	37	Toàn thành phố Hà Nội
	8	Ánh Sao					23	21	18	24	86	17	9	4	0	30	Toàn thành phố Hà Nội
	9	Vinschool					60	54	68	67	249	40	25	15	0	80	Toàn thành phố Hà Nội
	10	Ngôi Nhà Vui					45	26	20	20	111	20	10	5	0	35	Toàn thành phố Hà Nội
<b>Tổng trường ngoài công lập</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>493</b>	<b>430</b>	<b>412</b>	<b>464</b>	<b>1799</b>	<b>308</b>	<b>159</b>	<b>144</b>	<b>0</b>	<b>611</b>	
<b>Nhóm trẻ lớp MGDŁ</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2093</b>	<b>1055</b>	<b>681</b>	<b>345</b>	<b>4174</b>	<b>1143</b>	<b>492</b>	<b>272</b>	<b>0</b>	<b>1907</b>	
Trạm Trôi	1	Hoa Thủy Tiên					20	15	0	0	35	15	10	0	0	25	Toàn thành phố Hà Nội
	2	Xứ Sở Thần Tiên					22	16	8	0	46	9	0	0	0	9	Toàn thành phố Hà Nội
Lại Yên	3	Nhân Tài Đất Việt					13	9	4	0	26	7	5	6	0	18	Toàn thành phố Hà Nội
	4	Họa My					15	11	2	0	28	15	10	5	0	30	Toàn thành phố Hà Nội
	5	Hà Nội Montessori					15	13	16	0	44	15	5	2	0	22	Toàn thành phố Hà Nội
	6	Chuyên Gia					31	15	15	14	75	6	3	0	0	9	Toàn thành phố Hà Nội
	7	Trải nghiệm					10	8	7	19	44	20	2	7	0	29	Toàn thành phố Hà Nội
	8	Trải Nghiệm 2					27	10	15	27	79	13	2	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội
	9	Mặt trời bé con					12	12	10	9	43	10	8	3	0	21	Toàn thành phố Hà Nội
	10	Nhật An					15	18	11	9	53	19	6	0	0	25	Toàn thành phố Hà Nội
	11	Ngôi Nhà Việt					8	13	14	6	41	23	9	2	0	34	Toàn thành phố Hà Nội
	12	Tuổi Hoa					31	10	0	0	41	10	4	0	0	14	Toàn thành phố Hà Nội
	13	Những Cánh Diều Bay					25	11	6	0	42	15	5	0	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
	14	mâm non Olympia 1					5	10	0	0	15	15	10	5	0	30	Toàn thành phố Hà Nội

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)				Số HS hiện có trong trường năm học 2022-203					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Đơn vị	nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	
An Khánh B	15	mầm non Olympia 2					5	5	9	0	19	15	10	10	0	35	Toàn thành phố Hà Nội
	16	Phản Lan					16	27	6	0	49	19	2	0	0	21	Toàn thành phố Hà Nội
	17	Lãnh đạo Nhi					0	0	0	0	0	30	15	0	0	45	Toàn thành phố Hà Nội
An Khánh C	18	Ánh Trăng					25	15	0	0	40	20	15	0	0	35	Toàn thành phố Hà Nội
	19	Chipi					18	6	3	0	27	12	10	13	0	35	Toàn thành phố Hà Nội
	20	Tia nắng					28	34	0	0	62	7	0	1	0	8	Toàn thành phố Hà Nội
	21	Mặt Trời Victory					20	20	15	0	55	10	10	10	0	30	Toàn thành phố Hà Nội
	22	Hoa Bé Ngoan					20	10	13	27	70	10	5	5	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
	23	Vườn Ong					10	10	10	33	63	20	0	0	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
	24	Thế giới bé nhỏ					27	10	12	22	71	8	0	5	0	13	Toàn thành phố Hà Nội
	25	Vũ Trụ Nasa					12	8	0	0	20	17	13	10	0	40	Toàn thành phố Hà Nội
	26	Thế Giới Trẻ Thơ					15	11	8	0	34	15	10	5	0	30	Toàn thành phố Hà Nội
	27	Tia Nắng Mới					15	6	0	0	21	20	5	9	0	34	Toàn thành phố Hà Nội
	28	Đôi Chân Hạnh phúc					15	12	8	0	35	17	5	3	0	25	Toàn thành phố Hà Nội
	29	Ánh Dương					25	15	15	15	70	13	2		0	15	Toàn thành phố Hà Nội
	30	Ban Mai 2					16	0	16	0	32	16	0	18	0	34	Toàn thành phố Hà Nội
	31	Ban Mai					0	17	0	11	28	10	18	0	0	28	Toàn thành phố Hà Nội
	32	Công dân toàn cầu					22	15	15	18	70	10	3	3	0	16	Toàn thành phố Hà Nội
33	Khu Vườn Nhỏ					20	15	15	0	50	9	6	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội	
34	Hạt Đậu Đỏ					13	20	13	18	64	20	2		0	22	Toàn thành phố Hà Nội	
35	Mầm non Mickey					41	11	4	0	56	8	6	4	0	18	Toàn thành phố Hà Nội	
36	Nhà Ong					19	7	6	0	32	13	5	5	0	23	Toàn thành phố Hà Nội	
37	Những Thú linh nhỏ					16	6	4	0	26	10	7	6	0	23	Toàn thành phố Hà Nội	
38	Thảo Nguyên					25	11	9	0	45	10	10	4	0	24	Toàn thành phố Hà Nội	

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường năm học 2022-203					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Đơn vị	nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	
	39	Toàn Cầu						22	15	14	19	70	12	3	1	0	16	Toàn thành phố Hà Nội
	40	Tuệ Đức						36	7	11	16	70	13	0	3	0	16	Toàn thành phố Hà Nội
	41	Việt Ý						18	15	15	22	70	16	0	4	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
	42	Tân Việt Ý						20	13	9	0	42	5	3	3	0	11	Toàn thành phố Hà Nội
	43	Việt Kid						12	12	9	10	43	12	3	3	0	18	Toàn thành phố Hà Nội
	44	Vườn Hoàng Gia						20	15	15	0	50	10	5	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội
An Khánh A	45	Xứ Sở Thần Tiên						23	14	14	18	69	13	2	2	0	17	Toàn thành phố Hà Nội
	46	Đại Bàng Nhỏ						20	13	9	0	42	5	3	3	0	11	Toàn thành phố Hà Nội
	47	Hà Nội 1 Tschool						24	4	3	0	31	12	8	12	0	32	Toàn thành phố Hà Nội
	48	Hà Nội 2 Tschool						0	0	0	0	0	30	20	15	0	65	Toàn thành phố Hà Nội
	49	Ngôi nhà của bé						7	1	4	0	12	12	14	11	0	37	Toàn thành phố Hà Nội
Kim Chung	50	Những đứa trẻ vui vẻ						30	14	14	11	69	11	0	0	0	11	Toàn thành phố Hà Nội
	51	Hạt Đậu Nhỏ						24	14	12	0	50	10	0	1	0	11	Toàn thành phố Hà Nội
	52	Trẻ Thông Minh						15	19	19	0	53	20	10	10	0	40	Toàn thành phố Hà Nội
	53	Ngôi Nhà Xanh						11	16	18	0	45	9	4	15	0	28	Toàn thành phố Hà Nội
	54	Vân Hà						20	17	5	0	42	10	10	0	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
	55	Mặt trời bé thơ						13	19	8	0	40	15	0	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội
	56	Ngôi Nhà Mickey						30	20	14	0	64	10	10	5	0	25	Toàn thành phố Hà Nội
57	Mặt trời bé con						35	13	0	0	48	10	5	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội	
Vân Côn	58	Hoa Sữa						50	0	0	0	50	10	0	0	0	10	Toàn thành phố Hà Nội
	59	Việt Ý						34	13	8	0	55	10	5	2	0	17	Toàn thành phố Hà Nội
La Phù	60	Bình Minh						43	15	2	0	60	2	0	8	0	10	Toàn thành phố Hà Nội
	61	Hoa Hương Dương						31	0	4	7	42	30	12	8	0	50	Toàn thành phố Hà Nội
	62	Cà Heo Hạnh Phúc						28	16	14	0	58	12	3	1	0	16	Toàn thành phố Hà Nội

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường năm học 2022-2023					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo Khu vực (xã, phường, ...)
			Đơn vị	Số HS nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	
Som Đông	63	Mặt Trời Nhỏ						27	15	14	14	70	15	3	0	0	18	Toàn thành phố Hà Nội
	64	Tuổi Thơ						32	20	4	0	56	20	9	0	0	29	Toàn thành phố Hà Nội
Thượng	65	Tuổi Hồng						50	11	1	0	62	0	0	0	0	0	Toàn thành phố Hà Nội
	66	Họa My						24	14	9	0	47	20	5	0	0	25	Toàn thành phố Hà Nội
Di Trạch	67	Ngôi Nhà Bì Bò						25	15	10	0	50	20	10	0	0	30	Toàn thành phố Hà Nội
	68	Gấu Trúc Nhỏ						35	7	3	0	45	15	10	0	0	25	Toàn thành phố Hà Nội
Song Phương	69	Hoa Hồng						21	4	0	0	25	5	5	0	0	10	Toàn thành phố Hà Nội
	70	Xứ Sứ Thần Tiên						50	10	10	0	70	8	2	0	0	10	Toàn thành phố Hà Nội
Đông La	71	Ánh Dương						22	4	0	0	26	30	0	0	0	30	Toàn thành phố Hà Nội
	72	Hoa Thủy Tiên						21	13	8	0	42	10	0	0	0	10	Toàn thành phố Hà Nội
Đức Thượng	73	Viết Úc Monessori						34	11	8	0	53	10	0	0	0	10	Toàn thành phố Hà Nội
	74	Ban Mai						33	7			40	5	0	0	0	5	Toàn thành phố Hà Nội
Đức Thượng	75	Tuổi Thơ						39	3			42	0	0	0	0	0	Toàn thành phố Hà Nội
	76	Bình Minh						32	4	1		37	0	0	0	0	0	Toàn thành phố Hà Nội
Vân Canh	77	Cầu Vồng						23	5	5	0	33	7	5	5	0	17	Toàn thành phố Hà Nội
	78	Bé Ngọn						20	12	0	0	32	10	10	0	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
Vân Canh	79	Tuổi Thơ						31	9	0	0	40	12	8	0	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
	80	Nụ Cười Trẻ Thơ						38	9	7	0	54	10	5	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội
Vân Canh	81	Tuổi Thơ - Happy kids						37	10	5	0	52	3	2	3	0	8	Toàn thành phố Hà Nội
	82	Thiên Đường trẻ Thơ						35	19	15		69	10	5	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội
Vân Canh	83	Nụ Cười Trẻ Thơ						32	20	18		70	10	5	0	0	15	Toàn thành phố Hà Nội
	84	Ngôi Nhà Hạnh phúc						30	12	10		52	20	2	0	0	22	Toàn thành phố Hà Nội
Vân Canh	85	Mặt Trời Mới						22	10	0		32	15	5	0	0	20	Toàn thành phố Hà Nội
	86	Hoa Sưa						10	3	8		21	10	9	0	0	19	Toàn thành phố Hà Nội

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn (số trẻ chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường năm học 2022-2023					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (Xã, phường, ...)
			Đơn vị	Số HS nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng cộng toàn trường	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	
	87	Hoa Hương Dương					37	22	11		70	0	0	0	0	0	0	Toàn thành phố Hà Nội
	88	Tuổi Thơ Hạnh Phúc					5	10	10		25	3	3		0	6	6	Toàn thành phố Hà Nội
	89	Hà Nội Hana					44	12	8		64	15	1		0	16	16	Toàn thành phố Hà Nội
	90	Việt Mỹ					11	10	0		21	20	20	9	0	49	49	Toàn thành phố Hà Nội
Khai	91	Cả Mập Con					0	0	0		0	0		0	0	0	0	Toàn thành phố Hà Nội
Liều	92	Học Viên Ánh Dương					15	0	0		15	10	0	0	0	10	10	Toàn thành phố Hà Nội
Giang B	93	Trang Nguyễn					20	7	6		33	0	10	7	0	17	17	Toàn thành phố Hà Nội

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Anh

Hoài Đức, Ngày 15 tháng 5 năm 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HOÀI ĐỨC



Trương Văn Lâm



UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
(Mẫu Phụ lục 1b)

GAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYẾN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2023-2024  
(Kèm theo kế hoạch số 55 /KH-PGDĐT ngày 15/5/2022 của Phòng GDĐT Hoài Đức)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ...)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
Công lập	1	An Khánh A	431	8	350	Thôn An Thọ, Vân Lũng, Yên Lũng, Phú Vinh, Tổ dân phố số 1 (chung cư Splendor), Tổ dân phố số 2 (chung cư Thăng Long Victory) xã An Khánh, huyện Hoài Đức		43.8
	2	An Khánh B	330	8	300	Thôn Ngải Cầu, thôn An Bình, Trường An, Tổ dân phố số 3 (chung cư The Golden), Tổ dân phố số 4 (Tòa nhà hỗn hợp HH2 - Lô A44 Chung cư Gemek I, Tổ dân phố số 5 (Tòa nhà hỗn hợp HH1 - Lô A13, Chung cư Gemek II), khu đô thị Vinhomes Thăng Long, Khu đô thị sinh thái Bảo Sơn, khu đô thị Hoa Phương, khu đô thị Geleximco xã An Khánh, huyện Hoài Đức		37.5
	3	An Thượng A	182	6	182	Thôn Đào Nguyễn, thôn Ngự Cầu, xóm Giếng thôn An Hạ xã An Thượng		30.3
	4	An Thượng B	176	5	176	Thôn Lại Dụ, thôn Thanh Quang, xóm Hạ, xóm Ngõ thôn An Hạ xã An Thượng.		35.2
	5	Cát Quế A	192	6	192	Thôn 1,2,3,4,5,6,7 xã Cát Quế		32
	6	Cát Quế B	104	3	104	Thôn 8, thôn 9, thôn Cát Ngòi xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		34.7
	7	Đặc Sò	88	2	88	Xã Đặc Sò, huyện Hoài Đức		44
	8	Di Trạch	230	6	230	Xã Di Trạch, huyện Hoài Đức		38.3
	9	Đông La	275	7	275	Xã Đông La, huyện Hoài Đức		39.3
	10	Đức Giang	236	6	236	Xã Đức Giang, huyện Hoài Đức		39.3
	11	Đức Thượng	315	7	315	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức		45
	12	Dương Liễu A	187	5	187	Thôn Chàng Chờ, Chàng Trùng, Gia, Đông, Thổng Nhất, Quế, Hợp Nhất, Đoàn Kết, Chùa Đông, Đình Dầu xã Dương Liễu.		37.4
	13	Dương Liễu B	90	3	90	Thôn Me Tảo, Hòa Hợp, Mối, Đông Phú xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức.		30
	14	Kim Chung A	168	5	168	Thôn Yên Bệ, thôn Yên Vinh, thôn Đại Tự xã Kim Chung.		33.6
	15	Kim Chung B	166	4	166	Thôn Lại Xá, Tổ dân phố số 1 xã Kim Chung.		41.5
	16	La Phú	204	6	204	Xã La Phú, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		34
	17	Lại Yên	151	5	155	Xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		31
	18	Minh Khai	96	3	105	Xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội		35
	19	Sơn Đông	196	6	196	Xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		32.7

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
	20	Song Phương	247	6	247	Xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		41,2
	21	TT Trạm Trôi	210	6	215	Thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		35,8
	22	Tiền Yên	128	4	128	Xã Tiền Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		32
	23	Vân Canh	337	7	337	Xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		48,1
	24	Vân Côn	280	8	280	Xã Vân Côn và thôn Ba Lương, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		35
	25	Yên Sở	184	5	184	Xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội		36,8
		<b>Tổng C.lập</b>	<b>5203</b>	<b>137</b>	<b>5110</b>			37,3
Ngoài CL	1	Alpha School		8	240	Thành phố Hà Nội		30
	2	Newton		3	60	Thành phố Hà Nội		20
	3	Vinschool TL		3	90	Thành phố Hà Nội		30
	4	TH&THCS Edison		3	88	Thành phố Hà Nội		29,3
	5	TH&THCS Unigo		3	90	Thành phố Hà Nội		30
	6	TH Nguyễn Khuyến		5	150	Thành phố Hà Nội		30
		<b>Tổng Ngoài CL</b>		<b>25</b>	<b>718</b>			28,7
		<b>Tổng Quận, Huyện</b>		<b>162</b>	<b>5828</b>			36

Ngày 15 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Tâm

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÒNG  
GIÁO DỤC VÀ  
ĐÀO TẠO  
Vương Văn Lâm



Loại hình	TT	Tên trường THCS	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ...)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
	1	An Khánh	684	16	684	Xã An Khánh		42,8
	2	An Thượng	466	12	466	Xã An Thượng		38,8
	3	Cát Quế A	250	6	250	Thôn 1,2,3,4,5,6,7 - xã Cát Quế		41,7
	4	Cát Quế B	153	4	153	Thôn 8, 9, Cát Ngòi - xã Cát Quế		38,3
	5	Đắc Sở	126	3	126	Xã Đắc Sở		42
	6	Di Trạch	259	6	259	Xã Di Trạch		43,2
	7	Đông La	352	9	360	Xã Đông La		40
	8	Đức Giang	300	7	300	Xã Đức Giang		42,9
	9	Đức Thượng	410	10	410	Xã Đức Thượng		41
	10	Dương Liễu	339	9	334	Xã Dương Liễu		37,1
	11	Kim Chung	400	8	360	Xã Kim Chung		45
	12	La Phù	305	6	270	Xã La Phù		45
	13	Lại Yên	223	6	223	Xã Lại Yên		37,2
	14	Minh Khai	144	4	144	Xã Minh Khai		36
	15	Nguyễn Văn Huyền		6	240	Tuyển sinh toàn huyện		40
	16	Sơn Đồng	290	7	290	Xã Sơn Đồng		41,4
	17	Song Phượng	292	7	315	Xã Song Phượng		45
	18	Thị trấn Trám Trôi	250	6	240	Thị trấn Trám Trôi; Khu đô thị Nam 32; Khu đô thị Lideco		40
	19	Tiền Yên	180	5	180	Xã Tiền Yên		36
	20	Vân Canh	390	8	360	Xã Vân Canh		45
	21	Vân Cồn	402	9	402	Xã Vân Cồn, Thôn Ba Lương xã Song Phượng		44,7
	22	Yên Sở	243	6	243	Xã Yên Sở		40,5
		<b>Tổng Công lập</b>	<b>6458</b>	<b>160</b>	<b>6609</b>			<b>41,3</b>

Loại hình	TT	Tên trường THCS	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
Ngoài CL	1	THCS Alpha		8	240	Thành phố Hà Nội		30
	2	TH&THCS Vinschool Thăng Long		3	90	Thành phố Hà Nội		30
	3	TH&THCS Newton		2	60	Thành phố Hà Nội		30
	4	TH&THCS Edion		3	55	Thành phố Hà Nội		18,3
Tổng Ngoại Công lập				16	445			27,8
Tổng Quận, Huyện				176	7054			40,1

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Hữu Thắng

Ngày 15 tháng 5 năm 2023

TRƯỜNG PHÒNG




Wương Văn Lâm